TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-ST

Ngày 13 - 9 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phụng Ayun.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Duy Trinh.

2. Bà Hà Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thao; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Thị Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày 24 tháng 10 năm 1979 tại huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị tạm giữ tại: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Bá C, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Phạm Thị P, sinh năm 1932; có chồng Lương Văn H, sinh năm 1976 và có hai người con, con lớn nhất sinh năm 1998 và con nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có vi phạm pháp luật; bị tạm giữ ngày 29/5/2018, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam ngày 07/6/2018 cho đến nay tại nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam theo Quyết định tạm giam số: 10/2018/HSST-QĐTG ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Trần Thị Phương L - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- *Bị hại:*

1. Anh Lê Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. Ông Lê Văn S, sinh năm 1964; địa chỉ: 43 Y K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lương Văn H (Chồng của Phạm Thị Đ), sinh năm 1976; Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

2. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1961; địa chỉ: 114 Nguyễn Tất T, TT. L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

3. Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

4. Bà Đậu Thị H, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Văn L, sinh năm 1960; địa chỉ: 18/23 Trịnh Văn C, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Thái:* Ông Lữ Văn T; dân tộc: Thái; địa chỉ: Buôn T, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 19/11/2017, ông Lê Văn T, sinh năm 1975, trú tại thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đã thỏa thuận thuê ông Lương Văn H, sinh năm 1976, trú tại thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ở để trông coi rẫy và làm rẫy cho gia đình anh T, tại khu vực rẫy thuộc địa phận buôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, với tiền công là 5.000.000 đồng/1 tháng. Cùng thời điểm này, do Phạm Thị Đ (là vợ của anh H) sinh năm 1979, cùng trú tại thôn G, xã E, huyện K, không có chỗ ở và việc làm nên anh T đồng ý cho Đ ở cùng anh H tại chòi rẫy để phụ giúp việc lo nấu cơm nước cho chồng, nhưng anh T không có thuê và không trả công cho Đ. Tại chòi rẫy, anh T đã giao toàn bộ các tài sản gồm: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu SOME, màu đen, BKS 37P4 - 0514 và 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 37P4 - 0514 để anh H làm phương tiện đi lại và 01 máy phát cỏ, màu đỏ, nhãn hiệu Kawasaki TH26; 01 máy phát cỏ, màu đỏ, hiệu SP43-W; 01 máy bào, màu đỏ, hiệu Maktec MT 191; 01 máy cưa lốc, màu đỏ, nhãn hiệu GL5200M cho một mình anh H trực tiếp quản lý và sử dụng để làm rẫy. Đến thời điểm khoảng tháng 4/2018, anh T có mua một số bao phân Kali và phân Urê giao cho anh H để bón

phân cho cây trồng trên rẫy của mình, anh H đã sử dụng số phân này bón cho cây trồng trên rẫy, còn lại 01 bao phân Kali có trọng lượng 50kg; 01 bao phân Urê có trọng lượng 50kg và 01 bao phân trộn lẫn giữa Kali và Urê có trọng lượng 50kg để tại vị trí trước chòi rẫy.

Trong quá trình sinh sống cùng chồng mình tên là Lương Văn H tại chòi rẫy của gia đình anh Lê Văn T, đến khoảng giữa tháng 4/2018 đến ngày 11/5/2018, do nghiện ma túy và không có đủ tiền để mua ma túy sử dụng nên Phạm Thị Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp các tài sản của gia đình anh T đã giao cho anh H quản lý để tại chòi rẫy mang đi bán, cầm cố lấy tiền để mua ma túy về sử dụng.

Lần thứ nhất: Vào khoảng 8h sáng, một ngày giữa tháng 4/2018, lợi dụng khi anh H đi làm rẫy, Đ đã lén lút lấy trộm 02 bao phân Kali, Urê có trọng lượng 50kg/1 bao của gia đình anh Lê Văn T để trong chòi rẫy và tự ý lấy chiếc xe mô tô BKS 37P4 - 0514 để chở 02 bao phân đến chỗ đại lý phân bón của chị Đậu Thị H, tại thôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk để bán với giá 600.000 đồng; lấy được số tiền này Đ đã mua ma túy về sử dụng hết. Khoảng 3 đến 4 ngày sau, Đ lại lén lút lấy trộm 01 bao phân trộn lẫn giữa Kali và Urê có trọng lượng 50kg và dùng xe mô tô trên tiếp tục chở đến cửa hàng phân bón của chị H để bán, nhưng chị H cương quyết không mua nên Đ đã để lại bao phân này tại cửa hàng và không quay lại lấy bao phân này nữa.

Lần thứ hai: Vào khoảng 8h sáng ngày 24/4/2018, lợi dụng khi anh H đi làm rẫy, Đ đã lén lút lấy trộm 01 máy phát cỏ, màu đỏ, hiệu SP43-W của gia đình anh T để trong chòi rẫy. Sau đó, Đ điều khiển chiếc xe mô tô BKS 37P4 - 0514 chở chiếc máy phát cỏ đến cửa hàng mua bán sửa chữa máy cưa, máy phát cỏ (Trí H) của gia đình anh Đỗ Văn H, sinh năm 1988, tại tổ dân phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk để cầm lấy số tiền 500.000 đồng. Khi lấy được tiền 500.000 đồng này thì Đ đi mua ma túy về sử dụng hết. Đến chiều tối cùng ngày, anh H đi làm về hỏi chiếc máy phát cỏ SP43-W, thì Đ nói đã mang đi cầm rồi nên anh H chửi mắng Đ; sau đó anh H đã mượn của anh T số tiền 500.000 đồng đưa cho Đ đi đến tiệm Trí H để chuộc lại chiếc máy phát cỏ trên. Nhưng khoảng 2 đến 3 ngày sau, lợi dụng thời điểm sáng sớm anh H đi làm rẫy; Đ tiếp tục lén lút lấy trộm chiếc máy phát cỏ, màu đỏ, hiệu SP43-W của gia đình anh T để trong chòi rẫy và dùng chiếc xe mô tô BKS 37P4 - 0514 chở đến tiệm Trí H cầm cố lấy số tiền 500.000 đồng để mua ma túy về sử dụng hết.

Lần thứ ba: Khoảng mấy ngày sau, khi trộm cắp chiếc máy phát cỏ, hiệu SP43-W của gia đình anh T, thì Phạm Thị Đ đi ngang qua chòi rẫy của gia đình anh Lê Văn S, sinh năm 1964, tại buôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Đ quan sát thấy không có người trông coi nên Đ đã lén lút lấy trộm 01 máy phát cỏ, màu xanh, nhãn hiệu Kawasaki M26 của gia đình anh S đang để gần cửa chòi rẫy. Sau đó, Đ dùng chiếc xe mô tô BKS 37P4 - 0514 chở chiếc máy phát cỏ trên đến tiệm Trí H, tại thị trấn L, huyện L để cầm cố với số tiền 500.000 đồng, lấy được số tiền này thì Đ đi mua ma túy về sử dụng hết.

Lần thứ tư: Vào ngày 01/5/2018, cũng lợi dụng thời điểm sáng sớm anh H đi làm rẫy, Đ đã lén lút lấy trộm 01 máy bào, màu đỏ, hiệu Maktec MT 191 của

gia đình anh T để trong chòi rẫy. Sau đó, Đ dùng chiếc xe mô tô BKS 37P4 - 0514 chở chiếc máy bào đến tiệm Trí H, tại thị trấn L, huyện L để cầm cố với số tiền 500.000 đồng, rồi dùng số tiền này để mua ma túy về sử dụng.

Lần thứ năm: Vào khoảng 8h00 sáng ngày 07/5/2018, lợi dụng thời điểm anh H đi làm rẫy. Đ đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu SOME, màu đen, BKS 37P4 - 0514 của gia đình anh T đã giao cho anh H quản lý làm phương tiện đi lại đang để tại chòi rẫy. Sau đó, Đ điều khiển chiếc xe mô tô trên đến tiệm cầm đồ (Hoan H) của gia đình anh Hoàng Văn H, sinh năm 1961, tại tổ dân Phố 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, Đ mang xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô để cầm cố với số tiền 1.500.000 đồng, khi lấy được số tiền này Đ cũng đi mua ma túy về sử dụng hết.

Lần thứ sáu: Vào sáng ngày 11/5/2018, Đ đi sang chòi rẫy của gia đình anh Lê Văn S, với mục đích tìm tài sản để trộm cắp để bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng. Khi Đ quan sát thấy không có người trông coi nên Đ đã lén lút trộm cắp 01 chiếc máy cưa lốc màu đỏ, nhãn hiệu GL5200M *(đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của gia đình anh Lê Văn T đã cho anh S mượn để sử dụng)*. Sau đó, Đ đi nhờ xe và mang chiếc máy cưa lốc đến tiệm cầm đồ (Hoan H) của gia đình anh Hoàng Văn H để cầm cố với số tiền 500.000 đồng, lấy được số tiền này Đ cũng đã đi mua ma túy về sử dụng hết.

Đến ngày 16/5/2018, do nghi ngờ Đ đã lấy trộm các tài sản của gia đình mình để tại chòi rẫy nên anh Lê Văn T không đồng ý cho Đ ở lại chòi rẫy nữa, anh T chở Đ đi lên Bến xe khách tỉnh Đắk Lắk để Đ bắt xe về quê. Đến ngày 28/5/2018, do nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình nên Đ đã đến Công an huyện L đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 11/KL-ĐGTS ngày 31/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện L kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SOME, Wave màu đen, số khung UM7XS-10017, số máy 52FMH-010017, BKS 37P4 - 0514, giá trị tài sản còn lại là: 2.200.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 12/KL-ĐGTS ngày 31/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện L kết luận: 01 máy cưa lốc màu đỏ, nhãn hiệu GL5200M, giá trị tài sản còn lại là: 900.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 13/KL-ĐGTS ngày 01/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện L kết luận:

- 01 máy phát cỏ màu đỏ, nhãn hiệu Kawasaki TH26, giá trị tài sản còn lại là: 800.000 đồng.

- 01 máy phát cỏ màu đỏ, nhãn hiệu SP43 - W, giá trị tài sản còn lại là: 2.000.000 đồng.

- 01 máy phát cỏ màu xanh, nhãn hiệu Kawasaki M26, giá trị tài sản còn lại là: 700.000 đồng.

- 01 máy bào màu đỏ, nhãn hiệu Maktec MT 191, giá trị tài sản còn lại là: 300.000 đồng. Tổng cộng: 3.800.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 14/KL-ĐGTS ngày 04/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện L kết luận:

- 01 bao phân Urê trọng lượng 50kg: 360.000 đồng.
- 01 bao phân Kali trọng lượng 50kg: 350.000 đồng.
- 01 bao phân trộn lẫn Kali và Urê trọng lượng 50kg: 355.000 đồng.

Tổng cộng: 1.065.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ các vật chứng gồm: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu SOME, màu đen, BKS 37P4-0514, số khung UM7XS-10017, số máy 52FMH-010017 và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị H, sinh năm 1985, trú tại xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An; 01 máy cưa lốc màu đỏ, nhãn hiệu GL5200M; 01 máy phát cỏ màu đỏ, nhãn hiệu Kawasaki TH26; 01 máy phát cỏ màu đỏ, hiệu SP43-W; 01 máy phát cỏ màu xanh, nhãn hiệu Kawasaki M26; 01 máy bào màu đỏ, hiệu MakTec MT 191.

Quá trình điều tra, xác định: 01 máy phát cỏ màu đỏ, nhãn hiệu Kawasaki TH26; 01 máy phát cỏ màu đỏ, hiệu SP43-W; 01 máy bào màu đỏ, hiệu Maktec MT 191 và 01 máy cưa lốc màu đỏ, nhãn hiệu GL5200M, đây là các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp của anh Lê Văn T. 01 máy phát cỏ màu xanh, nhãn hiệu Kawasaki M26 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Lê Văn S. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra quyết định xử lý vật chứng và đã giao trả lại những tài sản trên cho anh Lê Văn T và Lê Văn S là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu SOME, màu đen, BKS 37P4-0514, số khung UM7XS-10017, số máy 52FMH-010017 và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị H, sinh năm 1985, trú tại xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra nhưng chưa xác định được nguồn gốc chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô này. Vì vậy, cơ quan điều tra đã làm thủ tục bàn giao chiếc xe mô tô trên cho Đội cảnh sát giao thông Công an huyện L tiếp tục xác minh nguồn gốc chủ sở hữu và sẽ xử lý sau.

Đối với 03 bao phân gồm: 01 bao phân Kali, 01 bao phân Urê mà bị cáo Phạm Thị Đ đã mang bán cho bà Đậu Thị H. Sau khi mua bà H đã bán lại các bao phân này cho khách hàng đến cửa hàng mua phân; còn 01 bao phân trộn lẫn giữa Kali và Urê, bị cáo Phạm Thị Đ đã bỏ lại tại cửa hàng phân của bà H và không quay lại lấy, hiện bao phân này đã bị thất lạc không xác định được, do đó các bao phân trên thì Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Trong vụ án này, đối với Lương Văn H đã có hành vi mang 01 máy phát cỏ màu đỏ, nhãn hiệu Kawasaki TH26 (trị giá 800.000 đồng theo kết quả định giá tài sản) do anh Lê Văn T giao quản lý để mang đi cầm cố vào ngày 22/5/2018. Sau đó, H đã bỏ đi khỏi địa phương và không xác định được hiện nay H đang ở đâu. Vì vậy, Cơ quan điều tra chưa thu thập đầy đủ các tài liệu chứng cứ để chứng minh hành vi liên quan đến vụ án của H được. Do thời hạn điều tra vụ án đã hết nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách hành vi của đối tượng Lương Văn H để tiếp tục điều tra và sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi của bà Đậu Thị H, anh Đỗ Văn H, ông Hoàng Văn H là những người đã mua, nhận cầm cố các tài sản do bị cáo Phạm Thị Đ thực hiện hành vi trộm cắp mang bán, cầm cố. Nhưng quá trình điều tra đã xác định khi mua, nhận cầm cố các tài sản của Phạm Thị Đ, thì bà H, anh H và ông H không nhận thức được nguồn gốc các tài sản này do bị cáo Phạm Thị Đ thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản mà có và bị cáo Phạm Thị Đ cũng viện ra nhiều lý do về hoàn cảnh gia đình để nói dối và năn nỉ bà H, anh H, ông H mua, cầm cố các tài sản này cho bị cáo. Vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với hành vi của bà Đậu Thị H, anh Đỗ Văn H, ông Hoàng Văn H là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 14/CT-VKS ngày 14/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Phạm Thị Đ về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Thị Đ về hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản"; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 và các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; về tình tiết tăng nặng, bị cáo đã phạm tội từ 02 lần trở lên nên áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là phù hợp; đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị Đ từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù về tội*"Trộm cắp tài sản* ". Về vật chứng vụ án, căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 về xử lý vật chứng; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc cơ quan điều tra Công an huyện L đã trả lại cho anh Lê Văn T gồm: 01 máy cưa lốc màu sơn đỏ, nhãn hiệu GL5200M; 01 máy phát cỏ màu sơn đỏ, nhãn hiệu Kawasaki; 01 máy phát cỏ màu sơn đỏ, nhãn hiệu SP43-W; 01 máy bào màu sơn đỏ, nhãn hiệu Maktec MT 191. Đã trả lại cho ông Lê Văn S 01 máy phát cỏ màu sơn xanh, nhãn hiệu Kawasaki M26 là những chủ sở hữu hợp pháp. Đối với chiếc xe mô tô, nhãn hiệu SOME, màu đen, BKS 37P4-0514 và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị H, sinh năm 1985, trú tại xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Nhưng cơ quan điều tra Công an huyện L chưa xác định được nguồn gốc chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô trên. Do đó, cơ quan điều tra đã làm thủ tục bàn giao chiếc xe mô tô trên cho Đội cảnh sát giao thông Công an huyện L tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc chủ sở hữu và sẽ xử lý sau. Đối với 03 bao phân gồm: 01 bao phân Urê, 01 bao phân Kali và 01 bao phân trộn lẫn giữa Urê và Kali mà bị cáo Phạm Thị Đ đã mang bán cho bà Đậu Thị H; khi mua bà H đã bán lại các bao phân này cho khách hàng hoặc đã bị thất lạc, không xác định được nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Về phần trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các anh Lê Văn T và Lê Văn S không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đậu Thị H, anh Đỗ Văn H và Hoàng Văn H không yêu cầu bị cáo Phạm Thị Đ phải hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra để mua, cầm cố các tài sản do bị cáo Phạm Thị Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà có mang đi bán, cầm cố nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk trình bày lời bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Đ: Hoàn toàn nhất trí với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Phạm Thị Đ về tội danh, điều luật áp dụng. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến bị cáo Phạm Thị Đ phạm tội cũng xuất phát là do không có công ăn việc làm, động cơ mục đích mong muốn để có tiền mua ma túy về sử dụng, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật có hạn chế nhất định, từ nhỏ không được có học hành, sau khi phạm tội bị cáo đã về đầu thú, về nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây cũng là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản gây thiệt hại không lớn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn H yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 và các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự hoàn toàn nhất trí với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát, không có ý kiến gì. Mặt khác, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo của Chính Phủ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng, bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện L là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai. Bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng, bị cáo biết ăn năn hối cải và xin được hưởng mức án hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị Đ không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Phạm Thị Đ tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, về mặt thời gian, địa điểm và các loại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt được. Do ý thức coi thường pháp luật, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, mong

muốn có tiền để mua ma túy về sử dụng. Nên trong khoảng thời gian từ giữa tháng 4/2018 đến ngày 11/5/2018, bị cáo Phạm Thị Đ đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, gồm: 01 chiếc xe mô tô BKS 37P4-0514; 01 máy phát cỏ màu đỏ, nhãn hiệu SP43-W; 01 máy bào màu đỏ, nhãn hiệu Maktec MT 191; 01 máy cưa lốc màu đỏ, nhãn hiệu GL5200M; 03 bao phân (Urê, Kali, phân Urê và Kali trộn lẫn), trọng lượng 50kg/1 bao để tại chòi rẫy của gia đình anh Lê Văn T và 01 máy phát cỏ màu xanh, nhãn hiệu Kawasaki M26 để tại chòi rẫy của gia đình anh Lê Văn S, thuộc khu vực buôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk để mang đi cầm cố lấy tiền mua ma túy về sử dụng. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Thị Đ đã có đủ cơ sở kết luận phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

[3] Hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" của bị cáo Phạm Thị Đ là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật Nhà nước ta bảo vệ mà còn phần nào gây mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo Phạm Thị Đ là người có đủ khả năng nhận thức được hành vi "Trộm cắp tài sản" của người khác là vi phạm pháp luật. Song, chỉ vì bị cáo mong muốn để có tiền đi mua ma túy về sử dụng nên đã bất chấp pháp luật và thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, hành vi đó của bị cáo Phạm Thị Đ cần phải xử phạt nghiêm minh để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng, giáo dục, cải tạo bị cáo để trở thành một công dân tốt có ích cho xã hội; đồng thời cũng răn đe cho những người khác và phòng ngừa chung tội phạm ở địa phương; nhất là hiện nay tình hình tội phạm về tệ nạn trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện nhà diễn ra ngày càng phức tạp.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi quyết định hình phạt cũng phải xem xét lượng hình, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, bản thân bị cáo từ nhỏ không được học hành, nhận thức pháp luật hạn chế nhất định, bị cáo chưa có vi phạm pháp luật; không có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã về đầu thú, trong quá trình điều tra và cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các tài sản đã chiếm đoạt gây thiệt hại không lớn và đã kịp thời hoàn trả lại cho người bị hại. Do vậy, cần áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phạm Thị Đ đã thực hiện hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" 02 lần trở lên, nên cần áp dụng cho bị cáo tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 là phù hợp.

[6] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 về xử lý vật chứng. Chấp nhận việc Cơ quan điều tra công an

huyện L đã trả lại gồm: 01 máy cưa lốc màu sơn đỏ, nhãn hiệu GL5200M; 01 máy phát cỏ màu sơn đỏ, nhãn hiệu Kawasaki; 01 máy phát cỏ màu sơn đỏ, nhãn hiệu SP43-W; 01 máy bào màu sơn đỏ, nhãn hiệu Maktec MT 191 cho ông Lê Văn T là chủ sở hữu hợp pháp. Đã trả lại cho ông Lê Văn S 01 máy phát cỏ màu sơn xanh, nhãn hiệu Kawasaki M26 là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với chiếc xe mô tô, nhãn hiệu SOME, Wave màu đen, số khung UM7XS-10017, số máy 52FMH-010017, BKS 37P4-0514 và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị H, sinh năm 1985, trú tại xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Mặc dù, Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra nhưng chưa xác định được nguồn gốc chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô trên. Do vậy, Cơ quan điều tra đã làm thủ tục bàn giao chiếc xe mô tô trên cho Đội cảnh sát giao thông Công an huyện L tiếp tục xác minh nguồn gốc chủ sở hữu và sẽ xử lý sau.

Đối với 03 bao phân gồm: 01 bao phân Urê, 01 bao phân Kali, mà bị cáo Phạm Thị Đ đã mang bán cho bà Đậu Thị H. Sau khi mua bà H đã bán lại các bao phân này cho khách hàng đến cửa hàng mua phân; còn 01 bao phân trộn lẫn Urê và Kali, hiện bao phân này đã bị thất lạc, không xác định được nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

[7] Về phần trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa phiên tòa, các anh Lê Văn T và Lê Văn S không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản nên không đề cập giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đậu Thị H, anh Đỗ Văn H và ông Hoàng Văn H không yêu cầu bị cáo Phạm Thị Đ phải hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra mua, cầm cố các tài sản do bị cáo Phạm Thị Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp mà có mang đi bán, cầm cố nên không xem xét để giải quyết.

[8] Xét quan điểm đường lối giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật, mức hình phạt đối với bị cáo, về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp.

[9] Xét quan điểm lời bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Đ về cơ bản là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, người bào chữa áp dụng điểm i Khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo Phạm Thị Đ là không phù hợp. Bởi vì, bị cáo Phạm Thị Đ đã thực hiện hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" từ 02 lần trở lên, chứ không phải bị cáo phạm tội lần đầu; vậy đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Phạm Thị Đ là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính Phủ nên được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ Khoản 1 Điều 173 và các điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3. Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ (ngày 29/5/2018).

4. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 về xử lý vật chứng. Chấp nhận việc Cơ quan điều tra công an huyện Lắk đã trả lại gồm: 01 máy cưa lốc màu sơn đỏ, nhãn hiệu GL5200M; 01 máy phát cỏ màu sơn đỏ, nhãn hiệu Kawasaki; 01 máy phát cỏ màu sơn đỏ, nhãn hiệu SP43-W; 01 máy bào màu sơn đỏ, nhãn hiệu Maktec MT 191 cho ông Lê Văn T là chủ sở hữu hợp pháp. Đã trả lại cho ông Lê Văn S 01 máy phát cỏ màu sơn xanh, nhãn hiệu Kawasaki M26 là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với chiếc xe mô tô, nhãn hiệu SOME, Wave màu đen, số khung UM7XS-10017, số máy 52FMH-010017, BKS 37P4-0514 và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị H, sinh năm 1985, trú tại xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Cơ quan điều tra chưa xác định được nguồn gốc chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô trên. Do vậy, Cơ quan điều tra đã làm thủ tục bàn giao chiếc xe mô tô trên cho Đội cảnh sát giao thông Công an huyện L tiếp tục xác minh nguồn gốc chủ sở hữu và sẽ xử lý sau.

Đối với 03 bao phân gồm: 01 bao phân Urê, 01 bao phân Kali, mà bị cáo Phạm Thị Đ đã mang bán cho bà Đậu Thị H. Sau khi mua bà H đã bán lại các bao phân này cho khách hàng đến cửa hàng mua phân; còn 01 bao phân trộn lẫn Urê và Kali, hiện bao phân này đã bị thất lạc, không xác định được nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

5. Về trách nhiệm dân sự: Các anh Lê Văn T và Lê Văn S không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đậu Thị H, anh Đỗ Văn H và ông Hoàng Văn H không yêu cầu bị cáo Phạm Thị Đ phải hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra để mua, cầm cố các tài sản do bị cáo Phạm Thị Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp mà có mang đi bán, cầm cố nên không đề cập giải quyết.

6. Về án phí: Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Thị Đ được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại anh Lê Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn H, người bào chữa có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại ông Lê Văn S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đậu Thị H, ông Hoàng Văn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện L;
- CA huyện L;
- Bộ phận hồ sơ CA huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo; người bị hại
- Người có QL, NVLQ;
- Người bào chữa;
- Lưu HS vụ án; VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Phụng Ayun